TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 26/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Danh Sử

Ông Tạ Khắc Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2017/QĐST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: Đỗ Xuân T, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1991, tại T - Thanh Hóa; Trú tại: xóm 11, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Xuân H1 và bà Trịnh Thị H2; Có vợ là Nguyễn Thị H3 và 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân bị cáo: Tại bản án số 57 ngày 24/12/2013 của của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Đỗ Xuân T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản"*; án phí hình sự 200.000 đồng. Bị can đã chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 07/03/2014 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hòa Bình, theo Lệnh

tạm giam số 36 ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình; được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa, (có mặt).

2. Họ và Tên: Nguyễn Hữu Đ, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1992, tại Y - Thanh Hóa; Trú tại: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu T1 và bà Trịnh Thị H4; Có vợ là Vũ Thị L và 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Tại bản án số 122 ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Hữu Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; án phí 200.000 đồng. Nguyễn Hữu Đ đã thi hành xong án phí ngày 10/01/2017; Tiền sự: Chưa có;

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, theo Lệnh tạm giam số 20 ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa; được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa, (có mặt).

3. Họ và Tên: Hoàng Tuấn A, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1997, tại T - Thanh Hóa; Trú tại: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Sỹ T3 và bà Hồ Thị L1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hòa Bình, theo Lệnh tạm giam số 37 ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình; được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa, (có mặt).

4. Họ và Tên: Trịnh Kim H, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1994, tại T - Thanh Hóa; Trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Kim N và bà Trịnh Thị T4; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hòa Bình, theo Lệnh tạm giam số 39 ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình; được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa, (có mặt).

Người bị hại:

1. Bà Hà Thị V, sinh năm 1969; Trú tại: thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998; Trú tại: thôn Sải, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 31/10/2016, Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Giang đi đến trước cửa gia đình nhà bà Hà Thị V sinh năm 1969 ở thôn Q, xã S, huyện N. Đỗ Xuân T quan sát thấy gia đình bà V ở trước cửa đang xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu không có người trông coi nên Tư đã ra hiệu cho mọi người dừng lại. Đỗ Xuân T nói với Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và G ở ngoài cảnh giới còn T đi bộ vào các gian nhà phía sau của gia đình bà V. Thấy cửa không khóa chỉ khép hờ nên Đỗ Xuân T mở cửa đột nhập vào trong gia đình bà Hà Thị V lúc này bà V đang nằm ngủ tại phòng khách còn chị Phạm Thị L sinh năm 1998 (con gái bà V) đang nằm ngủ tại gian buồng ngủ. Đỗ Xuân T đã đi vào buồng ngủ quan sát thấy tại phòng ngủ có 01 chiếc két sắt của gia đình bà V nhưng do két sắt nặng nên T không lấy được. Đỗ Xuân T quan sát thấy 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo Tab A7 của chị L để ở đầu giường T liền cầm đem ra ngoài, đưa cho Hoàng Tuấn A, sau đó Hoàng Tuấn A đã đưa cho Nguyễn Hữu Đ cầm chiếc máy tính bảng trên. Đỗ Xuân T cùng với G quay lại phòng ngủ của gia đình bà V khênh chiếc két sắt do Công ty cổ phần thiết bị thương mại Bộ công thương sản xuất ra ngoài cửa thì Hoàng Tuấn A đứng chờ sẵn tại đó cùng T, G khênh chiếc két sắt đưa lên xe mô tô do H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter lắp biển kiểm soát 67L1-631.57 chở T ngồi sau ôm chiếc két sắt còn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter lắp biển kiểm soát 36D1-344.64 chở Hoàng Tuấn A và G đi đến đường thôn Đ1, xã S, huyện N thấy đây là khu vực vắng vẻ không có người qua lại thì Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và G dừng lại. Tại đây T đã lấy 01 con dao dựa chuẩn bị từ trước ở trong cốp xe ra cùng mọi người cậy phá két sắt bên trong có số tiền 1.500.000^{đ}, 02 chiếc nhẫn kim loại hình tròn (Loại mỹ ký); 01 sổ hộ khẩu mang tên Phạm Văn N; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn N, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Thị V, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Hà Thị V, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị L cùng 1 số giấy tờ học tập của chị L. Đỗ Xuân T đã lấy số tiền 1.500.000^{đ}, 02 chiếc nhẫn kim loại hình tròn (Loại mỹ

ký) đưa cho Đ cầm còn chiếc két sắt và các giấy tờ Đỗ Xuân T cùng đồng bọn đã vứt lại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 03/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 chiếc két sắt có giá trị thực tế 700.000đ, 02 nhẫn kim loại hình tròn có giá trị thực tế 400.000đ, 01 máy tính bảng Lenove có giá trị 1.000.000đ. Tổng giá trị các tài sản là 2.100.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A đã chiếm đoạt của gia đình nhà bà Hà Thị V có trị giá 3.600.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 24/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A đều về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Năm 1999).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Xuân T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Hữu Đ từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Hoàng Tuấn A từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Xử phạt Trịnh Kim H từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 357, 468, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Buộc các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho gia đình bà Hà Thị V tổng cộng số tiền là 3.600.000đ theo phần mỗi bị cáo là 900.000đ. Các bị

cáo Đỗ Xuân T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H được đối trừ vào số tiền mà mỗi bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện N là 900.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 02 giờ ngày 31/10/2016, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ đã cảnh giới cho Đỗ Xuân T, Hoàng Tuấn A lén lút, bí mật đột nhập vào gia đình nhà bà Hà Thị V ở thôn Q, xã S, huyện N chiếm đoạt 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo Tab A7 trị giá 1.000.000đ của chị Phạm Thị L (con gái bà V), 01 chiếc két sắt do Công ty cổ phần thiết bị thương mại Bộ công thương sản xuất trị giá 700.000đ bên trong có số tiền 1.500.000đ, 02 chiếc nhẫn kim loại hình tròn (Loại mỹ ký) trị giá 400.000đ và các giấy tờ của bà V, chị L với tổng giá trị tài sản là 3.600.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo là phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Năm 1999).

Đây là vụ án có đông bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công từ trước do vậy chỉ là đồng phạm giản đơn. Để quyết định hình phạt tương xứng

với vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều là thanh niên mới lớn nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, làm ăn lương thiện. Để có tiền tiêu sài các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn các tỉnh như Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa; trong vụ án này: Bị cáo Đỗ Xuân T là người khởi sướng rủ các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, vì vậy bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trịnh Kim H và Hoàng Tuấn A thực hiện với vai trò đồng phạm giúp sức, đều có vai trò như nhau sau bị cáo Tư.

- Đối với bị cáo Đỗ Xuân T, tại bản án số 57 ngày 24/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; án phí hình sự 200.000đ, Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 07/03/2014. Bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích vì vậy không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình khởi tố ngày 16/03/2017 bị cáo đã tự thú hành vi trộm cắp ngày 31/10/2016 tại gia đình bà V; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 900.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N để khắc phục một phần hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999).

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ, tại bản án số 122 ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Hữu Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; án phí 200.000đ. Do hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo thực hiện trước khi có bản án số 122 ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội. Vì vậy, không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Thanh Hóa khởi tố ngày 24/03/2017 bị cáo đã tự thú hành vi trộm cắp ngày 31/10/2016 tại gia đình bà V; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999).

- Đối với các bị cáo Trịnh Kim H và Hoàng Tuấn A nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; Đối với vụ án này các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình khởi tố

ngày 16/03/2017 các bị cáo đã tự thú hành vi trộm cắp ngày 31/10/2016 tại gia đình bà V; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; quá trình chuẩn bị xét xử các bị cáo đã tác động gia đình nộp mỗi bị cáo số tiền 900.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N để khắc phục một phần hậu quả. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999).

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt mỗi bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc két sắt do Công ty cổ phần thiết bị thương mại Bộ công thương sản xuất; 01 sổ hộ khẩu mang tên Phạm Văn N; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn N, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Thị V, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Hà Thị V, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị L cùng 1 số giấy tờ học tập của chị L. Đã xác định là tài sản hợp pháp của gia đình bà Hà Thị V nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà V là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter lắp biển kiểm soát 36D1-344.64 của Đỗ Xuân T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter lắp biển kiểm soát 67L1-631.57 của Hoàng Tuấn A sử dụng làm phương tiện gây án đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình thu giữ để tiến hành điều tra trong vụ án trộm cắp tài sản tại huyện M, tỉnh Hòa Bình nên không giải quyết trong vụ án này.

- Đối với 01 dao dựa bị cáo Tư dùng để phá két, quá trình điều tra và tại phiên các bị cáo đều khai nhận trên đường về T đã vứt đi, không xác định được vứt ở chỗ nào nên không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự:

01 chiếc két sắt do Công ty cổ phần thiết bị thương mại Bộ công thương sản xuất bị hư hỏng thiệt hại 700.000đ; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo Tab A7 trị giá 1.000.000đ; 02 chiếc nhẫn kim loại hình tròn (Loại mỹ ký) trị giá 400.000đ và số tiền 1.500.000đ với tổng giá trị tài sản là 3.600.000đ đến nay các bị cáo chưa bồi thường cho bà V và chị L; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà V, chị L đã yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng giá trị tài sản là 3.600.000đ là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, cần áp

dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A: Liên đới bồi thường cho bà V số tiền là 2.600.000đ theo phần mỗi bị cáo là 650.000đ. Liên đới bồi thường cho chị L số tiền 1.000.000đ theo phần mỗi bị cáo là 250.000đ. Trong quá trình chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo T, H và Tuấn A đã tự nguyện nộp thay cho mỗi bị cáo số tiền 900.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để khắc phục hậu quả, do đó các bị cáo T, H và Tuấn A đã bồi thường xong.

[3] Các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra Đỗ Xuân T, Trịnh Kim H, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A khai nhận cùng tham gia trộm cắp tài sản tại nhà bà Hà Thị V ngày 31/10/2016 còn có đối tượng tên là G ở Phú Thọ nhưng T, H, Đ, Tuấn A không biết địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn. cứ để xử lý trong vụ án này.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định; Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Đăng phải nộp theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999); Xử phạt: Đỗ Xuân T 9 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999); Xử phạt: Nguyễn Hữu Đ 8 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, o, p khoản 1 Điều 46 BLHS (Năm 1999);

- Xử phạt: Hoàng Tuấn A 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt: Trịnh Kim H 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS (Năm 1999); các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng

Tuấn A và Trịnh Kim H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho: Bà Hà Thị V số tiền 2.600.000đ theo phần Tư là 650.000đ, Đăng là 650.000đ, Tuấn Anh là 650.000đ, Huy là 650.000đ. Chị Phạm Thị L số tiền 1.000.000đ theo phần Tư là 250.000đ, Đăng là 250.000đ, Tuấn Anh là 250.000đ, Huy là 250.000đ.

Các bị cáo Đỗ Xuân T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H được đối trừ vào số tiền mà gia đình mỗi bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện N là 900.000đ theo các Biên lai thu tiền số AA/2013/0000280 ngày 26/01/2018, AA/2013/0000281 ngày 26/01/2018 và AA/2013/0000282 ngày 26/01/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà bị cáo Đăng phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng bị cáo Đăng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự (Năm 2015); áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bà V, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA.DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình